

Bản án số: **21/2021/HS-PT**

Ngày 04 - 8 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thanh Sơn.

Các Thẩm phán: Ông Lê Tuấn Tú và bà Nguyễn Thanh Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 36/2021/TLPT-HS ngày 28 tháng 6 năm 2021 đối với các bị cáo Nông Văn B, Nông Văn T và Nguyễn Văn M do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2021/HS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nông Văn B, sinh ngày 07/02/1990 tại tỉnh Tuyên Quang.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn C, xã K, huyện H, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng, đoàn thể: Không; con ông Nông Đức K và bà Hoàng Thị T; có vợ Quan Thị L và có 03 con.

Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (*Có mặt*).

2. Nông Văn T, sinh ngày 25/7/1991 tại tỉnh Tuyên Quang.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn C, xã K, huyện H, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng, đoàn thể: Không; con ông Nông Văn T và bà Phùng Thị T; vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (*Có mặt*).

3. Nguyễn Văn M, sinh ngày 06/02/1990 tại tỉnh Tuyên Quang;

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn C, xã K, huyện H, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng, đoàn thể: Không; con ông Lê Văn V (đã chết) và bà Nguyễn Thị T; có vợ Bùi Thị Thu Th và 02 con. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 15/6/2011 bị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội Cướp tài sản.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (*Có mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 06/02/2021, Nông Văn B, sinh năm 1990, trú tại Thôn C, xã K, huyện H gọi điện rủ Nông Văn T, sinh năm 1991 và Nguyễn Văn M, sinh năm 1990 (đều trú cùng thôn với B) đi đến khu vực rừng L, thuộc thôn C, xã T, huyện H để khai thác 01 cây gỗ Nghiến để xẻ làm thớt bán, T và M đồng ý. Khoảng 13 giờ cùng ngày, T đem theo 01 máy cưa xăng nhãn hiệu HUSQVARA 365, kèm theo các phụ kiện gồm (lam, xích, 01 vạm chữ T, 03 chiếc dũa, bút chì, thước, dao); B đem theo 05 lít xăng, 03 lít nhớt; M đem theo thức ăn, dao; mỗi người đem 01 đèn pin rồi cùng nhau đi bộ đến vị trí cây gỗ Nghiến đã phát hiện trước đó. Khi đến nơi M thực hiện nhiệm vụ canh gác, còn B và T thay nhau sử dụng máy cưa xăng cắt, trong khoảng thời gian 25 đến 30 phút thì cắt đổ 01 cây Nghiến có chiều cao khoảng 10-15m, đường kính khoảng 90cm, sau đó cả ba người đi về nhà và cùng thống nhất sau tết Nguyên đán sẽ tiến hành xẻ lấy thớt.

Khoảng giữa tháng 3/2021 (không xác định được ngày cụ thể), B, T và M tiếp tục đem máy cưa xăng và các dụng cụ cần thiết đi đến vị trí cây gỗ Nghiến đã cắt đổ để xẻ làm thớt. B, T và M đã cùng nhau thực hiện các công đoạn: cắt khúc, kê đà, đẽo... trong khoảng thời gian từ 16 giờ đến 22 giờ thì xẻ được 25 đoạn gỗ Nghiến dạng thớt (*mỗi đoạn đều có kích thước dầy 10cm, đường kính 40cm, tổng khối lượng 0,30m³*). Sơ chế xong, mỗi người vận chuyển 01 chiếc thớt về cất giấu tại chân đập H, thuộc Thôn C, xã K rồi đi về nhà. Sau khi M liên hệ được nơi bán thớt thì B, T và M cùng nhau vận chuyển số thớt còn lại về bán được số tiền 6.300.000 đồng. Sau khi trừ tiền xăng, dầu và thức ăn, mỗi người được chia số tiền 1.300.000 đồng.

Sáng ngày 31/3/2021, Bùi Văn B, sinh năm 1992 (trú tại Thôn C, xã K, huyện H), biết Nông Văn B chuẩn bị các dụng cụ đi khai thác gỗ nghiến, nên đã xin đi cùng và được B đồng ý. Khoảng 13 giờ cùng ngày, Bùi Văn B cùng Nguyễn Văn M và Nông Văn T đem theo các dụng cụ đi trước đến vị trí khai thác gỗ, khi đến nơi Bùi Văn B dùng máy cưa cắt được 01 đoạn gỗ Nghiến thì dừng lại để chờ Nông Văn B hôm sau lên cùng sơ chế. Đến khoảng 16 giờ ngày 01/4/2021 Nông Văn B đi đến vị trí khai thác gỗ cùng với M, T và Bùi Văn B tiếp tục xẻ được 15 đoạn gỗ Nghiến dạng thớt (*có tổng khối lượng 0,174m³*). Trong lúc Nông Văn B đang cắt đoạn gỗ tiếp theo thì gặp tai nạn do đá lăn trúng người làm B bị thương tích ở bàn tay phải và chân phải, sau đó T, M và Bùi Văn B đưa Nông Văn B đi cấp cứu. Ngày 02/4/2021 Bùi Văn B, T và M quay lại vị trí khai thác gỗ để lấy công cụ khai thác đi cất giấu.

Hồi 09 giờ ngày 05/4/2021 Chốt bảo vệ rừng T thuộc Trạm Kiểm lâm T phối hợp với Trạm Kiểm lâm khu A thuộc Hạt kiểm lâm H tiến hành tuần tra tại lô 8 khoảnh 634 chức năng rừng phòng hộ L, thuộc thôn C, xã T đã phát hiện 01 cây gỗ Nghiến bị khai thác trái phép. Sau khi tiếp nhận tin báo, quá trình điều tra, xác minh Hạt kiểm lâm rừng đặc dụng H xác định Nông Văn B và đồng phạm đã thực hiện hành khai thác trái phép cây gỗ Nghiến nêu trên và chuyển hồ sơ đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H để điều tra, xử lý.

Tại Biên bản khám nghiệm hiện trường; Biên bản xác định đối tượng rừng và loài cây ngày 07/4/2021 của Hạt kiểm lâm rừng đặc dụng H xác định: 01 (một) cây gỗ do Nông Văn B và đồng phạm khai thác trái phép là cây gỗ Nghiến, thuộc Danh mục thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm nhóm IIA, có tổng khối lượng: $13,816m^3$ (trong đó số gỗ còn lại tại hiện trường có khối lượng là $13,516m^3$, khối lượng gỗ các bị cáo đã lấy đi khỏi hiện trường là $0,30m^3$). Vị trí khai thác: Thuộc lô 8, khoảnh 634 đối tượng rừng phòng hộ tự nhiên, khu vực rừng L, thôn C, xã T, huyện H (theo bản đồ điều chỉnh phân ba loại rừng - ban hành kèm theo Quyết định số 1859/QĐ-CT ngày 31/12/2016 của UBND tỉnh Tuyên Quang).

Tại kết luận định giá tài sản số 06/KLĐG-HĐĐGTSTTHS ngày 23/4/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện H, kết luận: Tổng giá trị tài sản gồm 01 (một) cây gỗ Nghiến đã bị cắt xẻ thành nhiều đoạn, khối lượng gỗ còn lại tại hiện trường $13,516m^3$ và 25 (hai mươi lăm) đoạn thớt nghiến đã mang đi khỏi hiện trường có khối lượng $0,30m^3$ có giá trị là: 146.471.435 đồng (Một trăm bốn sáu triệu, bốn trăm bảy mươi một nghìn, bốn trăm ba mươi lăm đồng). Trong đó: 01 cây gỗ Nghiến khối lượng $13,516m^3$ có giá trị 143.489.855 đồng; 25 (hai mươi lăm) đoạn gỗ nghiến khối lượng $0,30m^3$ có giá trị là 2.981.580 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2021/HS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang đã quyết định:

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 232; Điều 38, Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nông Văn B 02 năm 06 tháng tù. Hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 232; Điều 38, Điều 58; điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nông Văn T 02 năm 04 tháng tù. Hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 232; Điều 38, Điều 58; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 02 năm 01 tháng tù. Hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm bồi thường dân sự, xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/5/2021, các bị cáo Nông Văn T, Nông Văn B và Nguyễn Văn M có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo: Bị cáo B xin giảm hình phạt, các bị cáo T, M xin hưởng án treo.

Kết thúc phần xét hỏi, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang phát biểu quan điểm:

Về thủ tục kháng cáo của các bị cáo là hợp lệ, đúng pháp luật; trình tự, thủ tục giải quyết vụ án đúng tổ tụng.

Về nội dung kháng cáo: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và xử phạt bị cáo Nông Văn B 02 năm 06 tháng tù; Nông Văn T 02 năm 04 tháng tù; Nguyễn Văn M 02 năm 01 tháng tù là đúng người, đúng tội, tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo. Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo xuất trình được tình tiết mới: Bị cáo Nông Văn B đã nộp khoản tiền truy thu 1.800.000đ và 200.000đ án phí, tổng cộng là 2.000.000đ và có bố đẻ là Nông Đức K được tặng Bằng khen của Bộ Tư lệnh Thông tin, có ông nội là Nông Văn Đ được tặng Huân chương kháng chiến hạng Nhì, có đơn xin giảm hình phạt và hưởng án treo được UBND xã K xác nhận; bị cáo Nông Văn T đã nộp tiền truy thu và án phí tổng cộng là 300.000đ, có ông ngoại là Phùng Văn T được tặng Huân chương kháng chiến hạng Ba và có đơn xin hưởng án treo có xác nhận của UBND xã K; bị cáo Nguyễn Văn M đã nộp án phí hình sự sơ thẩm và có đơn xin hưởng án treo có xác nhận của UBND xã K, huyện H.

Xét nhân thân, tính chất mức độ và hành vi phạm tội của các bị cáo thấy rằng các bị cáo đều do thiếu hiểu biết pháp luật, không có thu nhập, việc làm ổn định nên đã phạm tội. Xét vai trò của bị cáo T, M là thứ yếu có nơi cư trú rõ ràng, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nông Văn B, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2021/HSST ngày 20 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nông Văn T, Nguyễn Văn M, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2021/HSST ngày 20 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm đối với các bị cáo Nông Văn T, Nguyễn Văn M và cho các bị cáo được hưởng án treo.

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 232; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nông Văn B 02 năm 04 tháng tù về tội Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản. Hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 232; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nông Văn T 02 năm 04 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 04 năm 08 tháng về tội Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 02 năm 01 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 04 năm 02 tháng về tội Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản. Hạn thử thách của các bị cáo tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao các bị cáo Nông Văn T, Nguyễn Văn M cho UBND xã nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách theo quy định của pháp luật.

Ghi nhận các bị cáo đã nộp xong khoản tiền truy thu và án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Các bị cáo nói lời sau cùng, đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất và được cải tạo tại địa phương trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nông Văn B, Nông Văn T, Nguyễn Văn M tiếp tục khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

[2] Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Ngày 06/02/2021, tại lô 8, khoảnh 634 đối tượng rừng phòng hộ tự nhiên thuộc khu vực rừng L, thôn C, xã T, huyện H. Nông Văn B, Nông Văn T và Nguyễn Văn M đã có hành vi khai thác trái phép 01 cây gỗ Nghiến (thuộc Danh mục thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm nhóm IIA), có tổng khối lượng là 13,816m³, có giá trị 146.471.435 đồng (*Một trăm bốn sáu triệu, bốn trăm bảy mươi một nghìn, bốn trăm ba mươi lăm đồng*).

Xét nhân thân, tính chất mức độ hành vi phạm tội và nội dung kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về quản lý, khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt bị cáo Nông Văn B 02 năm 06 tháng tù; Nông Văn T 02 năm 04 tháng tù; Nguyễn Văn M 02 năm 01 tháng tù là có căn cứ đúng người, đúng tội, tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo xuất trình tình tiết mới: Bị cáo Nông Văn B đã nộp khoản tiền truy thu và án phí hình sự sơ thẩm, tổng cộng là 2.000.000đ, có bố đẻ là Nông Đức K được tặng Bằng khen của Bộ Tư lệnh Thông tin, có ông nội là Nông Văn Đ được tặng Huân chương kháng chiến hạng Nhì, có đơn xin giảm hình phạt và hưởng án treo được UBND xã K xác nhận; bị cáo Nông Văn T đã nộp tiền truy thu và án phí hình sự sơ thẩm tổng cộng là 300.000đ, có ông ngoại là Phùng Văn T được tặng Huân chương kháng chiến hạng Ba và có đơn xin hưởng án treo có xác nhận của UBND xã K; bị cáo Nguyễn Văn M đã nộp án phí hình sự sơ thẩm và có đơn xin hưởng án treo có xác nhận của UBND xã K, huyện H.

Xét nội dung kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Do nhận thức pháp luật hạn chế nên ngày 06/2/2021 bị cáo B đã gọi điện rủ T và M vào khu vực rừng phòng hộ L thuộc thôn C, xã T, huyện H để khai thác gỗ nghiến xẻ làm thớt bán lấy tiền. Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án này thấy bị cáo B là người rủ rê, khởi xướng; các bị cáo T và M là người thực hành nên vai trò của bị cáo T và M là thứ yếu, có nơi cư trú rõ ràng và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Sau khi xem xét tính chất mức độ và nhân thân, xét không cần thiết bắt bị cáo T, M phải chấp hành hình phạt

tù cần giữ nguyên hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo; đối với bị cáo B tuy có nhiều tình tiết giảm nhẹ mới nhưng bị cáo là người cầm đầu, khởi xướng nên không đủ điều kiện cho hưởng án treo, xong cũng cần xem xét chấp nhận kháng cáo giảm một phần hình phạt cho bị cáo như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Ghi nhận bị cáo Nông Văn B, Nông Văn T đã nộp xong khoản tiền án phí hình sự sơ thẩm và tiền truy thu; bị cáo Nguyễn Văn M đã nộp xong án phí hình sự sơ thẩm.

[5] Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c (đối với bị cáo B), điểm e (đối với bị cáo T, M) khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nông Văn B, Nông Văn T, Nguyễn Văn M. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2021/HS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang về phần hình phạt như sau:

- Căn cứ: Điểm d khoản 2 Điều 232; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nông Văn B **02** (hai) năm **04** (bốn) tháng tù về tội Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản. Hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

- Căn cứ: Điểm d khoản 2 Điều 232; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nông Văn T và Nguyễn Văn M.

Xử phạt bị cáo Nông Văn T **02** (hai) năm **04** (bốn) tháng tù cho hưởng án treo về tội Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản. Thời gian thử thách **04** (bốn) năm **08** (tám) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm 04/8/2021.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M **02** (hai) năm **01** (một) tháng tù cho hưởng án treo về tội Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản. Thời gian thử thách **04** (bốn) năm **02** (hai) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm 04/8/2021.

Giao bị cáo Nông Văn T và Nguyễn Văn M cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện H, tỉnh Tuyên Quang nơi các bị cáo cư trú, giám sát giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Trong thời gian thử thách của án treo nếu các bị cáo Nông Văn T và Nguyễn Văn M có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Ghi nhận bị cáo Nông Văn B đã nộp xong khoản tiền án phí hình sự sơ thẩm và tiền truy thu tổng số tiền là 2.000.000đ (Hai triệu đồng) theo biên lai số 0000877 ngày 06/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H; Nông Văn T đã nộp xong khoản tiền án phí hình sự sơ thẩm và tiền truy thu tổng số tiền là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000870 ngày 27/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H; bị cáo Nguyễn Văn M đã nộp xong án phí hình sự sơ thẩm số tiền 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000868 ngày 27/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (04/8/2021)/.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh TQ;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- TAND huyện H;
- VKSND huyện H;
- Công an huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các bị cáo;
- Văn phòng TAND tỉnh;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thanh Sơn

